TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2018/HNST;
Ngày: 10/4/2018.
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn;**

2. Bà **Dương Hiền Huệ**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 595/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN HUỲNH M** - sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp B 2, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **ĐẶNG TẤN T** - sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp B 2, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị Mcó mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Trần Huỳnh M trình bày:*

Chị và anh Đặng Tấn T cưới nhau vào năm 1990, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai

bên không tin tưởng nhau, hiện nay anh T đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Đặng Trần Xuân Diệu – sinh năm 1992 và Đặng Huy Long – sinh năm 1995, cháu Diệu và cháu Long đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Đặng Tấn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "Xin ly hôn".

Xét bị đơn anh Đặng Tấn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Huỳnh M, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Huỳnh M và anh Đặng Tấn T cưới nhau năm 1990, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình vì chị M và anh Tcó đủ điều kiện kết hôn theo quy định của của Luật hôn nhân gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Cháu Đặng Trần Xuân Diệu – sinh năm 1992 và Đặng Huy Long – sinh năm 1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị M khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Huỳnh M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Huỳnh M và anh Đăng Tấn T.

Về án phí: Chị Trần Huỳnh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 36091 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị M đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự.

VÕ THỊ KIM LOAN